

I. Khái quát lịch sử thế giới cổ đại

1. Xã hội nguyên thủy tan rã vì:

- Khoảng 4000 năm TCN, con người phát hiện ra kim loại và dùng kim loại làm công cụ lao động.
- Nhờ công cụ bằng kim loại, con người có thể khai phá đất hoang, tăng diện tích trồng trọt... sản phẩm làm ra nhiều, xuất hiện của cải dư thừa.
- Một số người chiếm hữu của dư thừa, trở nên giàu có... xã hội phân hóa thành kẻ giàu, người nghèo. Xã hội nguyên thủy dần dần tan rã.

2. Các quốc gia cổ đại phương Đông:

- Tên các quốc gia: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc
- Thời gian hình thành: cuối thiên niên kỉ IV đầu thiên niên kỉ III TCN
- Địa điểm: ở Ai Cập, khu vực Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Quốc ngày nay, trên lưu vực các dòng sông lớn như sông Nin ở Ai Cập, Ô-phơ-rát và Ti-gơ-rơ ở Lưỡng Hà, sông Ấn và sông Hằng ở Ấn Độ, sông Hoàng Hà và Trường Giang ở Trung Quốc.
- Các quốc gia cổ địa phương Đông đều hình thành trên lưu vực các dòng sông lớn vì:
 - + Ở đó có những đồng bằng rộng lớn, phì nhiêu, màu mỡ, thuận lợi cho sự phát triển nền nông nghiệp.
 - + Con người định cư ngày càng đông. Các quốc gia xuất hiện

3. Những thành tựu tiêu biểu về văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông:

- Biết làm lịch và dùng lịch âm: Năm có 12 tháng, mỗi tháng có 29 hoặc 30 ngày; biết làm đồng hồ đo thời gian bằng bóng nắng mặt trời.
- Sáng tạo ra chữ viết gọi là chữ tượng hình; viết trên giấy Pa-pi-rút, trên mai rùa, trên thẻ tre, trên các phiến đất sét.
- Toán học: Phát minh ra phép đếm đến 10, các chữ số từ 1 đến 9 và số 0, tính Pi bằng 3,16.
- Kiến trúc: Các công trình kiến trúc đồ sộ như Kim tự tháp ở Ai Cập, thành Ba-bi-lon ở Lưỡng Hà...
- Sớm có hiểu biết về thiên văn và sáng tạo ra lịch(Dương lịch)
- Chữ tượng hình ra đời rất sớm được viết trên giấy Pa-pi-rút, mai rùa, thẻ tre....
- Toán học:
 - + Người Ai Cập nghĩ ra phép đếm đến 10 và rất giỏi về hình học
 - + Họ tính được số pi=3,16
 - + Người Lưỡng Hà giỏi về số học;
 - + Người Ấn Độ sáng tạo ra các chữ số kể cả số 0.
- Kiến trúc: Họ đã xây dựng những công trình kiến trúc đồ sộ: kim tự tháp(Ai Cập);thành Ba-bi-lon(Lưỡng Hà);

*** Các quốc gia cổ đại phương Đông lại sớm có kiến thức về thiên văn và lịch vì:**

- Ngành kinh tế chính của họ là sản xuất nông nghiệp.
- Đề cây cày cho đúng thời vụ, họ luôn phải ‘trông trời, trông đất’...dần dần, họ biết được sự chuyển động của Mặt Trời, Mặt Trăng và các hành tinh..đó là những tri thức đầu tiên về thiên văn

4. Những thành tựu tiêu biểu về văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Tây:

- Biết làm lịch và dùng lịch dương, chính xác hơn : một năm có 365 ngày và 6 giờ chia thành 12 tháng.
- Sáng tạo ra hệ chữ cái a,b,c...có 26 chữ cái, gọi là hệ chữ cái La-tinh, đang được dùng phổ biến hiện nay.
- Khoa học: Một số nhà khoa học nổi tiếng như: Ta-lét, Pi-ta-go (toán học), Ác-si-mét (Vật lý)...
- Kiến trúc: Nhiều công trình nổi tiếng như: Đền Pác-tê-nông, đấu trường Cô-li-dê, tượng lực sĩ ném đĩa...

*** Đánh giá:**

- Những thành tựu văn hóa trên có tầm quan trọng to lớn đối với nền văn minh và sự phát triển của loài người.
- Nó đặt cơ sở nền móng cho sự phát triển của các ngành khoa học...Nhiều thành tựu đến nay vẫn được sử dụng như hệ chữ cái a,b,c..., lịch dương,...

5. Đặc điểm của người tối cổ:

- Vẫn còn những dấu tích của loài vượn (trán thấp bẹt ra phía sau, mày nổi cao, xương hàm nhô ra phía trước, trên người còn một lớp lông bao phủ...)
- Đã hoàn toàn đi bằng hai chân, hai chi trước đã biết cầm nắm, hộp sọ đã phát triển, thể tích sọ não lớn, biết sử dụng và chế tạo công cụ lao động.

6. Dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy ở Việt Nam:

- Dấu tích của người tối cổ được tìm thấy ở Việt Nam là những chiếc răng của Người tối cổ, những mảnh đá được ghè mỏng ở nhiều chỗ, có hình thù rõ ràng dùng để chặt đập; có niên đại cách đây 40-30 vạn năm.

7. Các địa điểm tìm thấy dấu tích của Người tối cổ trên đất nước Việt Nam:

- Dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy ở các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn); Núi Đọ (Thanh Hóa); Xuân Lộc (Đồng Nai).

8. Những nét chính trong đời sống vật chất của người nguyên thủy thời Hòa Bình-bắc Sơn- Hạ Long:

- Từ thời Sơn Vi, con người đã biết ghè đẽo các hòn cuội thành rìu; đến thời Hòa Bình - Bắc Sơn họ đã biết dùng các loại đá khác nhau để mài thành các loại công cụ như rìu, bôn, chày.
- Họ còn biết dùng tre, gỗ, xương, sừng làm công cụ và biết làm đồ gốm; biết trồng trọt (rau, đậu, bí, bầu...) và chăn nuôi.

9. Sự xuất hiện của nghề nông, chăn nuôi có tầm quan trọng to lớn:

- Sự xuất hiện của nghề nông và chăn nuôi, người nguyên thủy đã chủ động được lương thực, thực phẩm, dần thoát khỏi sự lệ thuộc vào thiên nhiên. Đời sống ngày càng ổn định

và nâng cao.

10. Những nét chính trong đời sống tinh thần của người nguyên thủy thời Hòa Bình-bắc Sơn- Hạ Long:

- Người tối cổ biết chế tác và sử dụng đồ trang sức; biết vẽ những hình mô tả cuộc sống tinh thần của mình.
- Người tối cổ đã hình thành một số phong tục tập quán: Thể hiện trong mộ táng có chôn theo lưỡi cuốc đá.

*** Đánh giá:**

- Trong thời kì nguyên thủy con người bắt đầu quan tâm đến đời sống tinh thần như biết làm đẹp bản thân, bày tỏ tình cảm đối với người chết. Đó là một bước tiến đáng kể trong sự phát triển của loài người...

II. Buổi đầu lịch sử nước ta-Thời kì Văn Lang - Âu Lạc

1. Trình độ sản xuất, chế tác công cụ của người Việt cổ đã có sự phát triển, tiến bộ như thế nào?

Người nguyên thủy trên đất nước ta lúc đầu sinh sống ở các hang động, sau đó tiếp tục mở rộng vùng cư trú đến các vùng chân núi, thung lũng ven khe suối, vùng đất bãi ven sông.

Qua các di chỉ Phùng Nguyên (Phú Thọ), Hoa Lộc (Thanh Hóa), Lung Leng (Kon Tum), có niên đại cách đây 4.000 - 3.500 năm, các nhà khảo cổ đã phát hiện hàng loạt công cụ: rìu đá, bôn đá được mài nhẵn toàn bộ, có hình dáng cân xứng; những đồ trang sức, những loại đồ gốm khác nhau như bình, vò, vại, bát, đĩa... Những mảnh gốm thường in hoa văn hình chữ S nối nhau, đối xứng, hoặc in những con dấu nổi liền nhau... Điều đó chứng tỏ người Việt cổ đã đạt được trình độ cao về mặt chế tác công cụ sản xuất và đồ trang sức, đồ dùng sinh hoạt...

Đặc biệt, người Việt cổ ở Phùng Nguyên (Phú Thọ) và Hoa Lộc (Thanh Hóa) còn phát minh ra thuật luyện kim (kim loại được dùng đầu tiên là đồng).

Kỹ thuật luyện kim phát triển mạnh, cư dân Lạc Việt đã biết làm ra những công cụ sản xuất bằng kim loại như rìu đồng và quan trọng nhất là lưỡi cày đồng và lưỡi hái bằng đồng ảnh hưởng mạnh đến sinh hoạt nông nghiệp. Lưỡi cày thời ấy có hình cánh bướm hoặc hình tam giác. Và xuất sắc đặc biệt là dân Lạc Việt đã đúc nên những chiếc đồng phức tạp đòi hỏi một trình độ kỹ thuật văn hóa cao.

Những dụng cụ sinh hoạt như mâm đồng, đục, kim khâu, dao, lưỡi câu, chuông và đồ trang sức cũng được sản xuất với số lượng đáng kể. Ngoài ra, đã có nghề luyện sắt và nghề gốm.

=> Thuật luyện kim ra đời đánh dấu bước tiến bộ vượt bậc trong chế tác công cụ sản xuất, đồ trang sức, dụng cụ sinh hoạt và cả vũ khí của người Việt cổ, làm cho sản xuất và đời sống sinh hoạt xã hội có bước phát triển cao hơn hẳn.

2. Sự ra đời nghề nông trồng lúa nước của người Việt cổ có ý nghĩa, tầm quan trọng như thế nào?

Người nguyên thủy trên đất nước ta lúc đầu sinh sống ở các hang động, sau đó tiếp tục mở rộng vùng cư trú đến các vùng chân núi, thung lũng ven khe suối, vùng đất bãi ven sông.

Trên các vùng cư trú rộng lớn ở đồng bằng ven sông, ven biển và vùng thung lũng ven suối, người Việt cổ đã phát hiện ra cây lúa và nghề trồng lúa nước ra đời. Thoạt tiên đó là những giống lúa hoang. Về sau được thuần dưỡng để trở thành hạt gạo dẻo thơm. Qua các di chỉ Phùng Nguyên - Hoa Lộc, các nhà khoa học phát hiện hàng loạt lưỡi cuốc đá được mài nhẵn toàn bộ ; tìm thấy gạo cháy, dấu vết thóc lúa bên cạnh các bình, vò đất nung lớn... Chứng tỏ cây lúa nước đã dần dần trở thành cây lương thực chính của con người.

=> Sự ra đời nghề nông trồng lúa nước có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt trong quá trình tiến hóa của con người : từ đây, con người có thể định cư lâu dài ở vùng đồng bằng ven các con sông lớn ; cuộc sống trở nên ổn định hơn, phát triển hơn cả về vật chất và tinh thần.

3. Trình bày những biểu hiện về sự chuyển biến xã hội thời Văn Lang - Âu Lạc ?

Từ khi thuật luyện kim được phát minh và nghề nông trồng lúa nước ra đời, con người phải chuyên tâm làm một công việc nhất định. Sự phân công lao động đã được hình thành cụ thể :

Phụ nữ làm việc nhà, thường tham gia sản xuất nông nghiệp và làm đồ gốm, dệt vải vì người Việt cổ không chỉ độc canh cây lúa mà còn trồng các loại rau củ, cây trái như khoai, đậu, trồng dâu, nuôi tằm. Nam giới, một phần làm nông nghiệp, đi săn, đánh cá ; một phần chuyên hơn làm công việc chế tác công cụ, đúc đồng, làm đồ trang sức..., về sau, được gọi chung là nghề thủ công.

Từ khi có sự phân công lao động, sản xuất ngày càng phát triển, cuộc sống con người ngày càng ổn định ; ở các vùng đồng bằng ven các con sông lớn hình thành các làng bản (chiềng, chạ), các làng bản ở vùng cao cũng nhiều hơn trước. Dần dần hình thành các cụm chiềng, chạ hay làng bản có quan hệ chặt chẽ với nhau được gọi là *bộ lạc*. Vị trí của người đàn ông trong sản xuất và gia đình, làng bản ngày càng cao hơn. Chế độ phụ hệ dần dần thay thế cho chế độ mẫu hệ.

4. Trình bày những điều kiện dẫn tới sự ra đời của nhà nước Văn Lang, nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

Vào khoảng các thế kỉ VIII - VII TCN, ở vùng đồng bằng ven các con sông lớn thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay, đã hình thành những bộ lạc lớn. Sản xuất phát triển, mâu thuẫn giữa người giàu và người nghèo đã nảy sinh và ngày càng tăng thêm.

Việc mở rộng nghề nông trồng lúa nước ở các vùng đồng bằng ven các con sông lớn thường xuyên phải đối mặt với hạn hán, lũ lụt. Vì vậy, cần phải có người chỉ huy đứng ra tập hợp nhân dân các làng để giải quyết vấn đề thủy lợi bảo vệ sản xuất, mùa màng và đời sống.

Ngoài mâu thuẫn, xung đột giữa kẻ giàu và người nghèo như đã nói ở trên thì các làng bản khi giao lưu với nhau cũng có xung đột. Đó là xung đột giữa người Lạc Việt với các bộ tộc người khác và cả giữa các bộ lạc Lạc Việt với nhau. Để có cuộc sống yên ổn, cần phải có một thế lực đủ sức giải quyết, chấm dứt các xung đột đó.

Như vậy là để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển sản xuất, làm thủy lợi và giải quyết các vấn đề xung đột chính là những điều kiện dẫn tới sự ra đời của nhà nước Văn Lang - nhà nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

5. Trình bày những hiểu biết của em về nước Văn Lang:

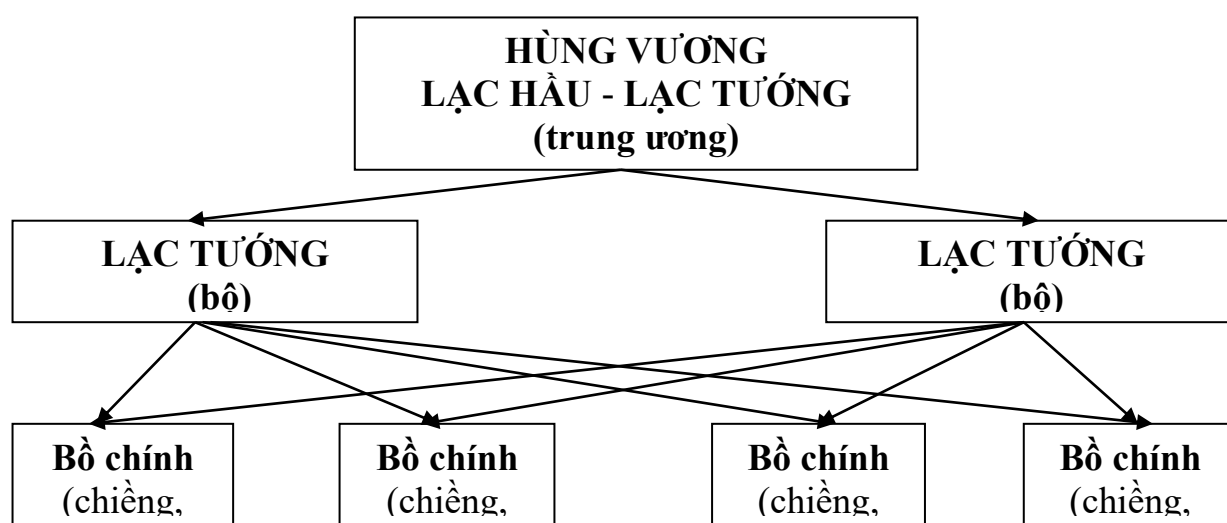
*. Thời gian và địa bàn thành lập :

- Bộ lạc Văn Lang cư trú trên vùng đất ven sông Hồng là vùng có nghề đúc đồng phát triển sớm, dân cư đông đúc. Bộ lạc Văn Lang là một trong những bộ lạc hùng mạnh nhất thời đó.

- Vào khoảng thế kỉ VII TCN ở vùng Gia Ninh (Phú Thọ), thủ lĩnh của bộ lạc Văn Lang đã dùng tài trí khuất phục được các bộ lạc khác và tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Bạch Hạc (thuộc Phú Thọ ngày nay), đặt tên nước là Văn Lang.

Tổ chức nhà nước Văn Lang :

Sơ đồ tổ chức bộ máy Nhà nước Văn lang



Chính quyền TW gồm (vua, lạc hầu, lạc tướng) ; ở địa phương (chiềng, chạ) ; đơn vị hành chính : nước - bộ (chia nước làm 15 bộ, dưới bộ là chiềng, chạ) ; Vua nắm mọi quyền hành trong nước, đời đời cha truyền con nối và đều gọi là Hùng Vương.

Nhà nước Văn Lang tuy chưa có luật pháp, quân đội, nhưng đã là một tổ chức chính quyền cai quản cả nước.

*. Đời sống vật chất :

Nước Văn Lang là một nước nông nghiệp, thóc lúa đã trở thành lương thực chính, ngoài ra, cư dân còn trồng khoai, đậu, cà, bầu, bí, chuối, cam...

Nghề trồng dâu, đánh cá, chăn nuôi gia súc và các nghề thủ công như làm đồ gốm, dệt vải, xây nhà, đóng thuyền... đều được chuyên môn hóa.

Nghề luyện kim đạt trình độ kĩ thuật cao. Cư dân cũng bắt đầu biết rèn sắt.

Thức ăn chính của người Văn Lang là cơm nếp, cơm tẻ, rau, cà, thịt, cá,... biết làm mắm và dùng gừng làm gia vị. Họ ở nhà sàn mái cong hình thuyền hay mái tròn hình mũi thuyền làm bằng gỗ, tre, nứa, lá. Làng, chạ thường gồm vài chục gia đình, sống ven đồi, ven sông, ven biển. Họ đi lại bằng thuyền. Về trang phục, nam đóng khố mình trần, nữ mặc váy, áo xẻ giữa, có yếm che ngực, tóc cắt ngắn hoặc búi xõa, búi tó hoặc tết đuôi sam. Ngày lễ họ thích đeo các đồ trang sức như vòng tay, khuyên tai, đội mũ cắm lông chim hoặc bông lau.

***. Đời sống tinh thần :**

Xã hội thời Văn Lang đã chia thành nhiều tầng lớp khác nhau: những người quyền quý, dân tự do, nô tì. Sự phân biệt các tầng lớp còn chưa sâu sắc.

Thường tổ chức lễ hội, vui chơi (một số hành ảnh về lễ hội đã được ghi lại trên mặt trống đồng như : đua thuyền, giã gạo, ca hát nhảy múa...).

Cư dân Văn Lang có một số phong tục tập quán : như hôn nhân, thờ cúng tổ tiên (truyện *Tám Cám* ; *Bánh chưng, bánh giầy*...).

6. Nước Âu Lạc đã ra đời và phát triển như thế nào?

a. Hoàn cảnh ra đời và tổ chức nhà nước Âu Lạc?

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần (hoàn cảnh ra đời nhà nước Âu Lạc)

Năm 218 TCN, nhà Tần đánh xuống phương Nam để mở rộng bờ cõi. Sau 4 năm chinh chiến, quân Tần kéo đến vùng Bắc Văn Lang, nơi người Lạc Việt cùng sống với người Âu Việt, vốn có quan hệ gần gũi với nhau từ lâu đời.

Cuộc kháng chiến bùng nổ. Thủ lĩnh Âu Việt bị giết, nhưng nhân dân Âu Việt và Lạc Việt không chịu đầu hàng. Họ tôn người kiệt tuấn tên là Thục Phán lên làm tướng, ngày ở trong rừng, đêm ra đánh quân Tần.

Năm 214 TCN, người Việt đã đại phá quân Tần, giết được Hiệu úy Đồ Thư. Kháng chiến thắng lợi.

b. Sự ra đời của Nhà nước Âu Lạc:

Sau cuộc kháng chiến chống Tần thắng lợi, năm 207 TCN, Thục Phán buộc vua Hùng nhường ngôi cho mình và sáp nhập hai vùng đất cũ của người Âu Việt và Lạc Việt thành một nước mới, đặt tên nước là Âu Lạc. Thục Phán tự xưng An Dương Vương, đóng đô ở Phong Khê (nay là vùng Cổ Loa, huyện Đông Anh - Hà Nội).

Bộ máy nhà nước thời An Dương Vương không có gì thay đổi so với thời Hùng Vương. Tuy nhiên, quyền hành của Nhà nước đã cao và chặt chẽ hơn trước. Vua có quyền thế hơn trong việc trị nước.

7. Tình hình sản xuất và đời sống xã hội thời Âu Lạc đã có sự thay đổi và tiến bộ như thế nào ?

Trong nông nghiệp, lưỡi cày đồng đã được cải tiến và dùng phổ biến hơn. Lúa gạo, khoai, đậu, củ, rau... làm ra ngày một nhiều. Chăn nuôi, đánh cá, săn bắn đều phát triển.

Các nghề thủ công như làm đồ gốm, dệt, làm đồ trang sức đều tiến bộ. Các ngành luyện kim và xây dựng đặc biệt phát triển. Việc chế tác công cụ sản xuất bằng đồng và sắt đã đạt đến trình độ kỹ thuật cao. Giáo, mác, mũi tên đồng, rìu đồng, cuốc sắt, rìu sắt được sản xuất ngày càng nhiều.

Đặc biệt về xây dựng có thể kể đến công trình thành Cổ Loa. Sau cuộc kháng chiến chống quân Tần thắng lợi, An Dương Vương cho xây dựng ở Phong Khê một khu thành đất rộng hơn nghìn trượng, có ba vòng khép kín với chu vi khoảng 16.000 m như hình tròn ốc, sau này gọi là Loa thành hay thành Cổ Loa. Các vòng thành đều có hào bao quanh và thông nhau. Bên trong thành Nội là nơi ở, làm việc của An Dương Vương và các Lạc hầu, Lạc tướng.

Ở vào thời điểm cách đây hơn 2.000 năm, khi mà trình độ kỹ thuật chung còn rất thấp kém thì công trình thành Cổ Loa là một biểu tượng rất đáng tự hào của nền văn minh Việt cổ.

8. Cuộc kháng chiến chống Triệu Đà năm 179 TCN, Nhà nước Âu Lạc thất bại.

Diễn biến chính cuộc kháng chiến :

Vào năm 207 TCN, nhân lúc nhà Tần suy yếu, Triệu Đà cắt đất ba quận lập thành nước Nam Việt, rồi đem quân đánh xuống Âu Lạc.

Quân dân Âu Lạc với thành cao, hào sâu, vũ khí tốt và tinh thần chiến đấu dũng cảm đã giữ vững được nền độc lập.

Triệu Đà biết không thể đánh bại được, bèn vờ xin hàng và dùng mưu kế li gián, chia rẽ nội bộ Âu Lạc.

Năm 179 TCN, Triệu Đà lại sai quân sang đánh chiếm nước ta, An Dương Vương do chủ quan không đề phòng, lại mất hết tướng giỏi nên bị thất bại nhanh chóng. Nước ta rơi vào ách thống trị của nhà Triệu.

Nguyên nhân thất bại của Âu Lạc : Do An Dương Vương chủ quan, thiếu cảnh giác, nội bộ bị chia rẽ, li gián, mất đoàn kết. Nhớ lại *Truyện nỏ thần* (đơn giản hóa sự thực về âm mưu cướp nước Âu Lạc của Triệu Đà).

..... Hết.....